

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2022/HC-PT

Ngày: 11 - 5 - 2022

V/v Khiếu kiện hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và Quyết định giải
quyết khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 376/2021/TLPT-HC ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Khiếu kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 520/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C (có mặt) và bà Trần Thị L1 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn 03, xã K1, huyện K2, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trịnh Quốc K3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt);

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Quốc Anh, thôn 4, xã K1, huyện K2, tỉnh Đắk Nông.

- Người bị kiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Đường 23/3, phường K4, thành phố K5, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện: Ông Ngô Chí Trung - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (vắng mặt);

2. Ủy ban nhân dân huyện Đ;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Người đại diện: Ông Đỗ Thanh Cát - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N (đều vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thảo Q (vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thảo N1 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thảo Q và chị Nguyễn Thảo N1: Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N: Ông Nguyễn Đăng Q1, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: số 163/18 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận K6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N: Luật sư Lê Văn V, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Địa chỉ: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Phát Nguyễn và cộng sự, số 53 (tầng 4) đường D1, khu đô thị mới Him Lam, phường K10, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Đăng Đ1 (có mặt);

2/ Ông Đoàn Văn Đ2 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã K7, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3/ Ông Nguyễn Ngọc M (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4/ Bà Đỗ Thị P (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường K8, thành phố K9, tỉnh Đắk Lắk.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo*: người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-11-1019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị L1 trình bày:

Năm 1992 gia đình ông C, bà L1 mua lại mặt bằng của Phòng giao thông huyện Đ để làm nơi ở sinh sống và làm ki ốt buôn bán, phía sau gia đình có khai hoang thêm được đám đất và trồng được 100 cây cà phê có tứ cận: Một phía giáp đất bà P, một phía giáp đất ông Đ2; một phía giáp bãi rác; một phía giáp đất bà Châu, bà Quy. Đến năm 2001 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Đ ủi con đường lên chợ mới, đi qua lấp hết vườn cà phê của gia đình nhưng không có quyết định thu hồi, đền bù. Phần đất còn lại gia đình tiếp tục sử dụng nhưng không được chính quyền cho phép dựng nhà trên đất. Tháng 3-2018 gia đình ông C, bà L1 phát hiện gia đình ông L2, bà N đào móng dựng nhà trên đất, qua tìm hiểu thì biết được UBND huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho ông L2, bà N. Tháng 6-2018 ông C, bà L1 làm đơn khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N; đến ngày 30/11/2018 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3279/QĐ-UBND trả lời không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông C, bà L1. Không đồng ý với quyết định của UBND huyện Đ, ngày 03-6-2021 ông C, bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3279/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại đối với ông C, bà L1; hủy Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND huyện Đ về việc cấp GCNQSDĐ và hủy GCNQSDĐ số CI 074018 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/2017 cho ông L2,

bà N đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39, đo đạc năm 2011, diện tích 1651,5m².

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 11-6-2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thông báo cho ông C, bà L1 biết GCNQSDĐ số CI 074018 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/2017 cho ông L2, bà N đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1651,5m² đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông thu hồi và tách thành 04 GCNQSDĐ. Ngày 15-6-2021, ông C, bà L1 có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Hủy GCNQSDĐ số CL 763121, thửa số 288, tờ bản đồ số 39, diện tích 146,8m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N.

- Hủy GCNQSDĐ số CL 763123, thửa số 290, tờ bản đồ số 39, diện tích 921,6m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N.

- Hủy GCNQSDĐ số CL 763122, thửa số 289, tờ bản đồ số 39, diện tích 244,6m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, đã đăng ký biến động qua chị Nguyễn Thảo N1 vào ngày 16/3/2018.

- Hủy GCNQSDĐ số CL 763124, thửa số 287, tờ bản đồ số 39, diện tích 338,5m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, đã đăng ký biến động qua chị Nguyễn Thảo Q vào ngày 16/3/2018.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện UBND huyện Đ; Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:

Trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ số CI 074018 ngày 18/9/2017 cho ông L2, bà N đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1651,5m² là đúng quy định của pháp luật, quá trình cấp GCNQSDĐ không có ai tranh chấp, khiếu nại gì. Sau khi cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N thì đến tháng 9-2018, UBND huyện Đ tiếp nhận đơn khiếu nại của 09 hộ dân, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn C, và Trần Thị L1 khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N. Quá trình xác minh, giải quyết khiếu nại, UBND huyện Đ đã lập đoàn xác minh nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của ông L2, bà N, đối chiếu theo quy định của pháp luật thì việc cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N là đúng. Ngày 30/11/2018 Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số: 3279/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông C, bà L1. Do đó, đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L1 đối với UBND huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông trình bày:

Về trình tự, thủ tục tách thửa GCNQSDĐ đối với ông L2, bà N và thủ tục đăng ký biến động sang tên chị Nguyễn Thảo N1 và chị Nguyễn Thảo Q là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 3 Điều 75; Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 1990 gia đình khai hoang diện tích đất khoảng 6000m² tại xã K (nay là thôn 1, thị trấn K). Đến năm 1992 UBND huyện có chủ trương xây dựng chợ tạm nên đã san ủi khoảng 4000m² đất của gia đình để làm chợ tạm. Diện tích còn lại khoảng 2000m² gia đình tiếp tục sử dụng, trồng cà phê và làm nhà năm 1992. Từ khi khai hoang đến nay, gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, được chính quyền và nhiều người dân sống lâu năm tại địa phương xác nhận. Năm 2015 gia đình làm đơn xin cấp GCNQSDĐ, đến ngày 18/9/2017 được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số CI 074018, thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1651,5m². Tháng 7/2018 hộ ông C, bà L1 cùng 08 hộ gia đình khác ngang nhiên chặt cây trồng, rào b40, sau đó xây dựng nhà trái phép trên đất của gia đình, sự việc đã được gia đình trình báo đến Công an thị trấn K, UBND thị trấn K lập biên bản; gia đình có quay video, chụp hình để làm bằng chứng. Quá trình giải quyết khiếu nại của hộ ông C, bà L1 yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho gia đình ông L2, bà N thì UBND thị trấn K và UBND huyện Đắk R'lấp cũng đã nhiều lần trả lời việc cấp GCNQSDĐ của gia đình là đúng pháp luật, khiếu nại không có căn cứ. Vì vậy, ông L2, bà N yêu cầu Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông C, bà L1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1 gồm các nội dung:

1.1. Hủy Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND huyện Đ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3279/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại đối với ông C, bà L1

1.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 763121, thửa số 288, tờ bản đồ số 39, diện tích 146,8m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N.

1.4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 763123, thửa số 290, tờ bản đồ số 39, diện tích 921,6m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N.

1.5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 763124, thửa số 287, tờ bản đồ số 39, diện tích 338,5m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, đăng ký biến động sang tên cho chị Nguyễn Thảo Q vào ngày 16/3/2018.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1 gồm các nội dung:

2.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 074018 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/2017 cho ông L2, bà N đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1651,5m²; tọa lạc tại: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 763122, thửa số 289, tờ bản đồ số 39, diện tích 244,6m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, đăng ký biến động sang tên cho chị Nguyễn Thảo N1 vào ngày 16/3/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 3877/QĐ-VKS-HC về việc kháng nghị bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1, tuyên buộc ông C, bà L1 phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Ngày 11/11/2021, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1.

Ngày 08/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đăng Q1, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là Luật sư Lê Văn V thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông; sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị L1, với các lý do:

Theo biên bản xác minh ngày 22/10/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn K đã xác định: “Theo sổ mục kê ngày 24/4/1996 đến nay vẫn giữ nguyên chưa có sự chỉnh lý, cập nhật thêm thể hiện không có ai kê khai đối với thửa đất số 19 tờ bản đồ số 18 đo đạc năm 1995. Các thửa số 16, 16a, 17, 18, 20 tờ bản đồ số 18 đo đạc năm 1995 cũng không thể hiện có người kê khai”. Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện thừa nhận không tham gia chỉ ranh để đo đạc năm 1995, không đăng ký đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18. Hơn nữa, người khởi kiện không biết ranh giới, vị trí thửa đất, diện tích thực tế mà mình đang tranh chấp là như thế nào. Mặt khác, việc ông L2, bà N sử dụng đất được những người sống lâu năm, có đất liền kề ký giáp ranh và được chính quyền địa phương xác nhận. Quá trình ông L2, bà N sử dụng đất từ năm 1992 đến khi được cấp GCNQSDĐ cũng không phát sinh tranh chấp. Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1651,5m² là hoàn toàn đúng qui định pháp luật.

Không có căn cứ nào cho thấy trình tự ban hành Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Đắk R'Lấp là trái pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L1, tuyên hủy các quyết định của cơ quan có thẩm quyền là sai sót.

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Trịnh Quốc K3 thống nhất trình bày đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm, với các lý do:

Nguồn gốc đất của hộ ông C, bà L1 là do khai hoang, trên đất xây dựng chuồng lợn, đào giếng, trồng cà phê, tuy nhiên do làm đường nên đã san ủi lấp

hết, hiện còn một số cây cà phê. Năm 1992 gia đình ông C, bà L1 mua lại mặt bằng của Phòng giao thông huyện Đ để làm nơi ở sinh sống và làm ki ốt buôn bán. Đến năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện Đ ủi con đường lên chợ mới, đi qua lấp hết vườn cà phê của gia đình nhưng không có quyết định thu hồi, đền bù. Phần đất còn lại gia đình tiếp tục sử dụng nhưng không được chính quyền cho phép dựng nhà trên đất. Tháng 3/2018 gia đình ông C, bà L1 phát hiện gia đình ông L2, bà N đào móng dựng nhà trên đất, qua tìm hiểu biết UBND huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L2, bà N. Tuy nhiên, năm 1995, đã có tờ bản đồ số 18, được đo đạc và đã xác định các thửa đất 16, 17, 18 là của ông Trần Đình I, thửa số 20 là bãi rác, thửa đất không số chưa xác định của ai và thửa đất số 19, được một số người dân sinh sống lâu năm khai là do gia đình ông C bà L1 khai hoang. Khi đo đạc tờ bản đồ số 39 năm 2011 thì phải lồng ghép lên tờ bản đồ số 18 đo đạc năm 1995 để xác định những thửa đất người dân đã chỉ ranh để đo trước đó, người kê khai chỉ ranh sau có trùng lên người kê khai chỉ ranh trước đó không. Hơn nữa, ông L2, bà N khi khai hoang cũng không biết tứ cận và ký tứ cận. Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông L2 bà N là sai đối tượng chủ thể, chưa có cơ sở vững chắc.

Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1 là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, Ủy ban nhân dân huyện Đăk R'Lấp đã tiến hành xác minh nguồn gốc đất, thực hiện việc lấy ý kiến khu dân cư để xác minh quá trình sử dụng đất của ông L2, bà N, nên việc cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N được thực hiện đúng trình tự, thủ tục qui định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện thừa nhận rằng việc đo đạc đất đai năm 1995, ông bà không tham gia, không chỉ ranh đất cụ thể và chưa tiến hành đăng ký đối với các thửa 19, tờ bản đồ 18 và biên bản xác minh ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã K cũng thể hiện không có cá nhân nào đăng ký kê khai đối với thửa số 19, tờ bản đồ 18.

Ngoài ra, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông còn dẫn chứng vụ kiện hành chính có nội dung tương tự như vụ kiện hành chính do ông C và bà L1 khởi kiện là gồm những ông bà Nguyễn Trọng T1, Đoàn Văn Đ2, Phạm Tiến S, Nguyễn Văn P1, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Đăng Đ1, Nguyễn O, Bùi Thị Q3 khiếu nại việc cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N đã

được giải quyết bằng Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Nhận thấy, cùng nội dung vụ án nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông lại có 02 phán quyết khác nhau là không nhất quán. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L1 là không có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N; sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông; kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, của luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: ông Nguyễn Văn Chiến và bà Trần Thị Linh khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3279/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ; GCNQSDĐ số CI 074018 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/2017 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39; các GCNQSDĐ số CL 763124, CL 763121, CL 763122, CL 763123 ngày 12/01/2018 (được tách ra từ GCNQSDĐ số CI 074018 ngày 18/9/2017) cấp cho ông L2, bà N, và cập nhật biến động cho chị Nguyễn Thảo N1, chị Nguyễn Thảo Q vào ngày 16/3/2018; là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/11/2018, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 3279/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông C, bà L1 về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CI 074018 do

UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/2017 cho ông L2, bà N. Ngày 25/11/2019, ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3279/QĐ-UBND nêu trên; hủy Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND huyện Đ về việc cấp GCNQSDĐ và hủy GCNQSDĐ số CI 074018 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/2017 cho ông L2, bà N; Ngày 15/6/2021, ông C, bà L1 khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy các GCNQSDĐ số CL 763124, CL 763121, CL 763122, CL 763123 ngày 12/01/2018 cấp cho ông L2, bà N và cập nhật biến động cho chị Nguyễn Thảo N1, chị Nguyễn Thảo Q ngày 16/3/2018, là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung:

Do các quyết định bị khởi kiện xuất phát từ GCNQSDĐ số CI 074018 do UBND huyện Đắk R'Lấp cấp ngày 18/9/2017 cho ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N đối với diện tích 1.651,5m² thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 39. Do đó, để xem xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện cần xem xét nguồn gốc diện tích 1.651,5m² thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 39 nêu trên.

[2.1] Về nguồn gốc đất:

- Về việc đăng ký đất tại địa phương: Đối chiếu tờ bản đồ số 18 đo đạc năm 1995 (cũ) với Tờ bản đồ số 39 đo đạc năm 2011 (mới) và Sổ mục kê ngày 24/4/1996 lưu tại Ủy ban nhân dân thị trấn K nhận thấy: Qua lòng ghép 02 tờ bản đồ địa chính thì thửa đất số 167 tờ bản đồ số 39 (mới) có liên quan đến các thửa đất số 17, 18, 19 và 01 thửa đất không số, thuộc tờ bản đồ số 18 (cũ), đều không ghi tên chủ sử dụng đất. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn K thể hiện: Theo Sổ mục kê ngày 24/4/1996 đến nay vẫn giữ nguyên chưa có sự chỉnh lý, cập nhật thêm, thể hiện không có ai kê khai đối với thửa đất số 19 tờ bản đồ số 18 đo đạc năm 1995. Các thửa số 16, 16a, 17, 18, 20 tờ bản đồ số 18 đo đạc năm 1995 cũng không thể hiện có người kê khai.

Như vậy, các thửa đất đang tranh chấp đều thể hiện không có người kê khai. Do đó, để xác định nguồn gốc của diện tích đất này thì cần phải xét đến quá trình quản lý, sử dụng đất.

- Người khởi kiện ông C, bà L1 cho rằng: Ông, bà đã mua lại diện tích đất trên của Phòng giao thông huyện Đắk R'Lấp và có khai hoang thêm phần diện tích đất phía sau nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng

minh. Thực tế, việc sử dụng đất của ông C, bà L1 xuất phát từ năm 1992, khi các hộ dân trong đó có ông C, bà L1 vào sinh sống tại khu vực sát chợ K, có nhờ Phòng giao thông huyện san ủi mặt bằng chợ để làm ki ốt và mỗi hộ đóng góp khoảng 700.000 đồng tiền đầu (do thời gian này, Phòng giao thông huyện đang san ủi mặt bằng chợ K). Việc các hộ đóng góp số tiền trên là để san ủi mặt bằng làm nơi kinh doanh, không phải tiền chuyển nhượng đất. Mặt khác, Phòng giao thông huyện Đăk R'Lấp không phải là cơ quan quản lý đất đai theo quy định của pháp luật nên không có thẩm quyền chuyển nhượng hay cấp đất cho hộ ông C, bà L1. Đến ngày 24/10/2001, Ủy ban nhân dân huyện Đăk R'Lấp đã ban hành Quyết định số 321/QĐ-UB giải tỏa các ki ốt chợ để lấy mặt bằng xây dựng đường giao thông lên khu vực chợ mới và các công trình phụ trợ khác, có hỗ trợ mỗi hộ 350.000 đồng tiền di dời. Kể từ thời điểm này, hộ ông C, bà L1 đã chấp hành di dời, trả lại mặt bằng và không còn sử dụng diện tích đất đang tranh chấp. Như vậy, việc sử dụng diện tích đất đang tranh chấp của hộ ông C, bà L1 đã chấm dứt từ năm 2001.

- Người bị kiện cho rằng: Vào thời điểm giải tỏa, riêng 04 hộ có dựng ki ốt trên đất thuộc khuôn viên chợ K cũ có vị trí quay mặt vào phía bên trái trụ sở của Ngân hàng nông nghiệp huyện Đăk R'Lấp trong đó có ông Nguyễn L2, bà N (thuộc lô số 111) chỉ bị ảnh hưởng một phần phía trước do việc làm đường và các công trình phụ trợ, phần còn lại phía sau ông L2, bà N vẫn sử dụng cho đến nay. Điều này phù hợp với thực tế sử dụng đất của các hộ trong đó có hộ ông L2, bà N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N thì cho rằng: Năm 1986, vợ chồng ông L2, bà N từ Quảng Trị vào Đăk Nông L2 nghiệp. Năm 1990 ông, bà có khai hoang một thửa đất tại xã K (nay là Tổ dân phố 1, thị trấn K), có diện tích 06 sào (6.000 m²). Năm 1991 ông, bà đã phát 4.000 m² đồi trọc cỏ tranh sát đỉnh đồi để đào hồ trồng điều. Cuối năm 1992, Ủy ban nhân dân huyện có chủ trương xây dựng chợ tạm nên đã cày gặt 4.000m² đất trồng điều của gia đình, ông, bà đã báo cáo sự việc đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K (cũ) và nhận được trả lời là đất được chính quyền địa phương sử dụng để họp chợ tạm thời, sau này dời đi sẽ trả lại nên ông, bà đồng ý và cũng có sử dụng một phần để làm ki ốt buôn bán như các hộ khác.

Xét thấy, mặc dù lời trình bày của ông L2, bà N cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Tuy nhiên, vào thời điểm khai hoang thì diện tích đất ông, bà sử dụng đã có ranh giới rõ ràng. Sau khi khai hoang vợ chồng ông L2, bà N là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này; ông, bà đã xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên đất từ năm 1992 cho đến nay, không có tranh chấp. Tại Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục số

46), ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N kê khai nguồn gốc đất là khai hoang năm 1990, được công chức địa chính Đỗ Văn Hoàng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn K xác nhận và ý kiến của cơ quan đăng ký đất đai là đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, để có căn cứ xác định nguồn gốc đất, ngày 15/9/2016, Ủy ban nhân dân thị trấn K còn lập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư (bút lục số 47). Tại Phiếu lấy ý kiến này, các hộ ông Phạm Văn Bảy, ông Trần Đình I (hộ giáp ranh) và ông Nguyễn Đăng N2 (là một trong những người khởi kiện ông L2 và bà N tại vụ án khác) đều ký xác định đất ông L2 và bà N đã khai hoang từ năm 1990, sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Ông C, bà L1 cho rằng đã khai hoang diện tích đất tại thửa số 19, diện tích 680m² (nằm trong phần diện tích ông L2, bà N đã kê khai). Chứng cứ ông C, bà L1 đưa ra là Biên bản ngày 26/10/2018 có sự xác nhận của ông Nguyễn Đình Điền là người sử dụng đất liền kề và là người dân sống lâu năm tại địa phương. Tuy nhiên trước đó, tại Đơn xin xác nhận vườn đề ngày 28/7/2004 do ông L2, bà N viết kèm sơ đồ thửa đất có thể hiện một cạnh tiếp giáp ông Nguyễn Đình Điền dài 35m thì ông Điền có xác nhận nội dung: “*Ông L2 có khai hoang cùng chúng tôi tại mảnh đất trên năm 1991*” (BL125, 126). Đơn xin xác nhận vườn ngày 08/5/2016 do ông L2, bà N viết cũng có sự xác nhận của ông Điền với nội dung: “*Đất ông L2 thực tế khai hoang cùng chúng tôi năm 1991 tại khu đất nói trên là sự thật*” (bút lục số 127, 128). Do đó, Biên bản ngày 26/10/2018 nêu trên không có giá trị chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, tại các Đơn xin xác nhận vườn của ông L2, bà N còn có xác nhận của các hộ liền kề cũng như những người sinh sống lâu năm tại địa phương như: ông Nguyễn Hữu Sinh (nguyên Chủ tịch xã K, nay là thị trấn K), ông Nguyễn Đăng II (là một trong những hộ dân bị giải tỏa năm 2001), ông Đoàn Minh T5, ông Nguyễn Đăng N2 (hộ giáp ranh), bà Nguyễn Thị T6, ông Nguyễn Văn M1, ông Trần Bá T7 (người san lấp mặt bằng đường lên chợ)... đều thể hiện nguồn gốc thửa đất của ông L2, bà N đang sử dụng là đất do ông L2, bà N khai hoang từ năm 1990.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định nguồn gốc diện tích 1.651,5m² thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N.

[2.2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị khởi kiện.

- Về thẩm quyền: Ủy ban nhân dân huyện Đắk R’lấp cấp GCNQSDĐ số CI 074018 ngày 18/9/2017 cho ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp các GCNQSDĐ số CL 763121, CL 763123

ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N; GCNQSDĐ số CL 763124 cập nhật ngày 16/3/2018 cho Nguyễn Thảo Q; GCNQSDĐ số CL 763122 cập nhật ngày 16/3/2018 cho Nguyễn Thảo N1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 105 Luật đất đai năm 2013; điểm b Khoản 1 Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Về trình tự, thủ tục:

+ Ngày 14/9/2016, ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1.651,5m², trong đó đất ở 300m² và đất trồng cây lâu năm 1.351,5m². Nguồn gốc ghi trong đơn là khai phá năm 1990.

+ Ngày 15/9/2016, UBND thị trấn K tiến hành lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N. Thành phần lấy ý kiến gồm tổ trưởng tổ dân phố 1 và một số hộ dân cùng trú tại thời điểm sử dụng đất của ông Nguyễn L2, các hộ dân cùng thống nhất thời điểm sử dụng đất của hộ ông Nguyễn L2 là do khai hoang năm 1990.

+ Ngày 15/9/2016, UBND thị trấn K xác nhận đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N tại thửa số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1.651,5m².

+ UBND thị trấn K đã ban hành Thông báo công khai kết quả thẩm tra hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ từ ngày 15/9/2016 đến ngày 29/9/2016 và tiến hành niêm yết công khai tại Hội trường Tổ dân phố 1 và trụ sở UBND thị trấn K.

+ Ngày 30/9/2016, UBND thị trấn K kết thúc công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận, trong thời gian công khai không nhận được bất kỳ thư khiếu nại về đất.

+ Ngày 30/9/2016, UBND thị trấn K lập tờ trình số 93/TTr-UBND đề nghị UBND huyện Đắk R'lấp cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

+ Ngày 17/3/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk R'lấp xác nhận Đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N tại thửa số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1.651,5m² là đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời thực hiện trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 167 tờ bản đồ số 39.

+ Ngày 20/3/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk R'lấp ban hành phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 790/PC-TTĐC cho Chi cục Thuế huyện Đắk R'lấp để xác định nghĩa vụ tài

chính và đã được người đăng ký cấp giấy chứng nhận thực hiện nghĩa vụ tài chính vào ngày 08/5/2017.

+ Ngày 28/8/2017, Phòng Tài nguyên môi trường huyện đã tiến hành thẩm định hồ sơ cấp GCNQSDĐ.

+ Theo đề nghị của Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Đắk R'lấp tại tờ trình số 671/TTr-TNMT ngày 13/9/2017; Căn cứ nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất, UBND huyện Đắk R'lấp đã ban hành Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 về việc cấp GCNQSDĐ số CI 074018 cho ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39 diện tích 1.651,5m² tọa lạc tại Tổ dân phố 1, thị trấn K là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 19/12/2005 của UBND huyện Đắk R'lấp về quy hoạch chi tiết Cụm dân cư thị trấn K; Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 28/5/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về tổ chức lập quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn K và Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Đắk R'lấp.

- Về việc xét tách thửa để cấp các GCNQSDĐ mới:

Trên cơ sở đơn đề nghị tách thửa và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thảo N1 và chị Nguyễn Thảo Q, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk R'lấp đã tiến hành kiểm tra thực địa vào ngày 22/11/2017 và trích lục các bản đồ địa chính vào ngày 27/12/2017. Trên cơ sở hồ sơ trên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông làm các thủ tục tách thửa đất số 167 tờ bản đồ số 39 ra thành các thửa đất số 287, 288, 289, 290 tờ bản đồ số 39, với diện tích lần lượt là 338,5m², 146,8m², 244,6m², 921,6m² và cấp các GCNQSDĐ số CL 763124, CL 763121, CL 763122, CL 763123 ngày 12/01/2018 cho ông L2, bà N và cập nhật biến động sang chị Nguyễn Thảo Q, chị Nguyễn Thảo N1 ngày 16/3/2018, là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 75, Điều 79 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật đất đai.

[2.3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn Chiến và bà Trần Thị Linh.

Sau khi cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N thì đến tháng 9/2018, UBND huyện Đ tiếp nhận đơn khiếu nại của 09 hộ dân, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn C và Trần Thị L1 khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N. Quá trình xác minh, giải quyết khiếu nại, UBND huyện Đ đã lập đoàn xác minh nguồn

gốc, quá trình sử dụng đất và hiện trạng khu vực đã được cấp GCNQSDĐ cho ông L2, bà N tại thửa số 167, tờ bản đồ số 39, đo đạc năm 2011; kiểm tra nguồn gốc sử dụng đất và xác minh những hộ sinh sống lâu năm trong khu vực, tổ chức đối thoại. Từ đó kết luận việc khiếu nại của ông C, bà L1 là không có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã được phân tích ở trên. Do đó, ngày 30/11/2018, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3279/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông C, bà L1 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét và có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông; kháng cáo của những người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N; sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí hành chính sơ thẩm và các chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1 phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

[3.2] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N, không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

Chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N;

Sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1 gồm các nội dung:

1.1. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3279/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn Chiến và bà Trần Thị Linh.

1.2. Hủy Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND huyện Đ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 074018 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/9/2017 cho ông L2, bà N đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 39, diện tích 1651,5m²; tọa lạc tại: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 763121, thửa số 288, tờ bản đồ số 39, diện tích 146,8m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N.

1.4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 763123, thửa số 290, tờ bản đồ số 39, diện tích 921,6m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N.

1.5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 763124, thửa số 287, tờ bản đồ số 39, diện tích 338,5m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, đăng ký biến động sang tên cho chị Nguyễn Thảo Q vào ngày 16/3/2018.

1.6. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 763122, thửa số 289, tờ bản đồ số 39, diện tích 244,6m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12/01/2018 cho ông Nguyễn L2, bà Nguyễn Thị N, đăng ký biến động sang tên cho chị Nguyễn Thảo N1 vào ngày 16/3/2018.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1, mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000898 ngày 21/02/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk

Nông; ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1 có trách nhiệm liên đới nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L1 phải chịu toàn bộ chi phí cho việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 9.300.000đ (Chín triệu ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) mà ông C, bà L1 đã tạm ứng cho việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông hoàn trả cho ông C, bà L1 số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng còn lại.

2.2 Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N, không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn lại cho Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, mỗi đương sự số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000027 ngày 25/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông; hoàn lại cho ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị N, mỗi đương sự số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000019 ngày 08/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp